

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,100 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.8%	7.4%	56.0%

DT thuần	2024		
	277	YoY	▲ 31.0
	tỷ VNĐ		▲ 12.3%

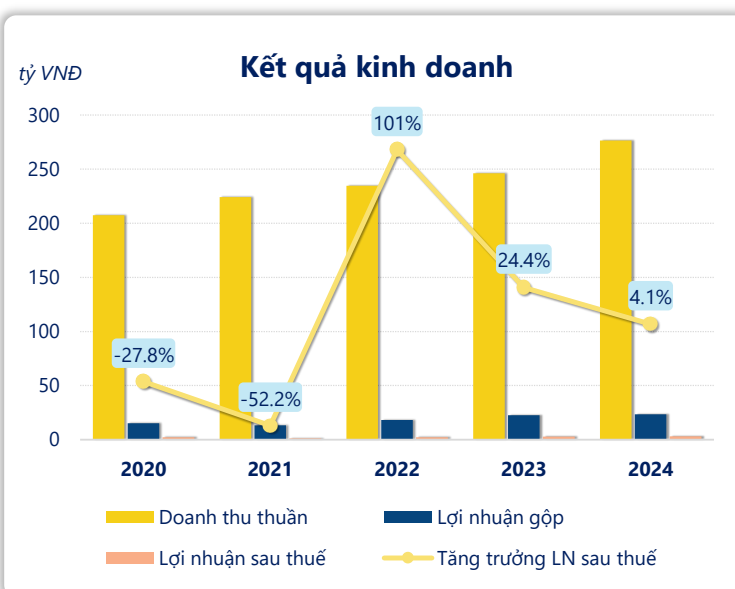
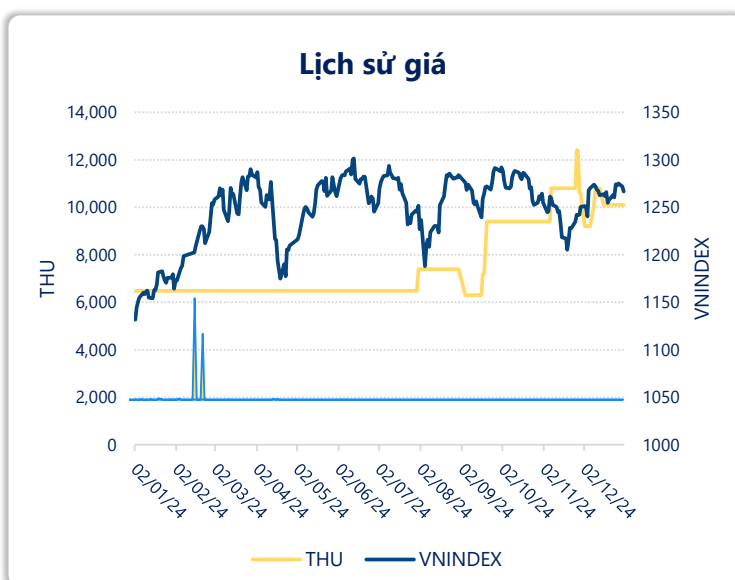
LN gộp	2024		
	23.3	YoY	▲ 0.60
	tỷ VNĐ		▲ 2.8%

LN thuần	2024		
	4.07	YoY	▲ 0.12
	tỷ VNĐ		▲ 3.1%

LN sau thuế	2024		
	2.94	YoY	▲ 0.11
	tỷ VNĐ		▲ 4.1%

ROE	2024		
	8.2%	+/- YoY	▲ 0.2%

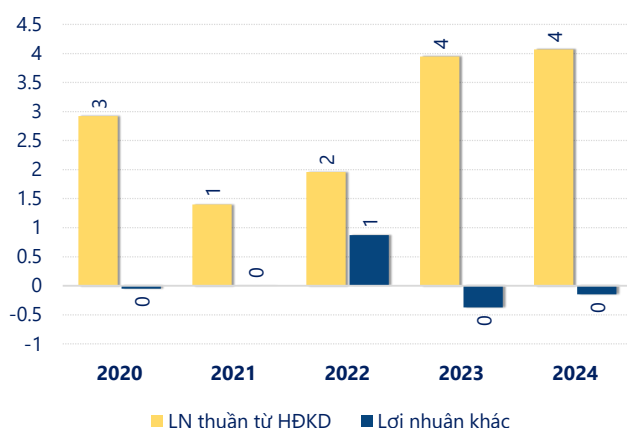
ROA	2024		
	1.7%	+/- YoY	▲ 0.1%



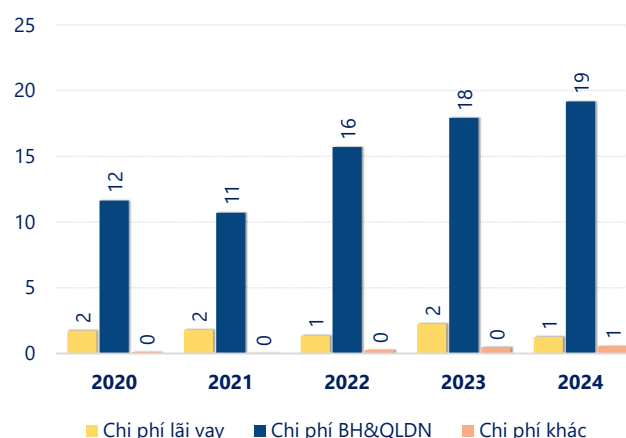
Kết quả kinh doanh **THU** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 12.3%** đạt **276.5** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.94 tỷ đồng **tăng 4.08%**.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **8.21%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận

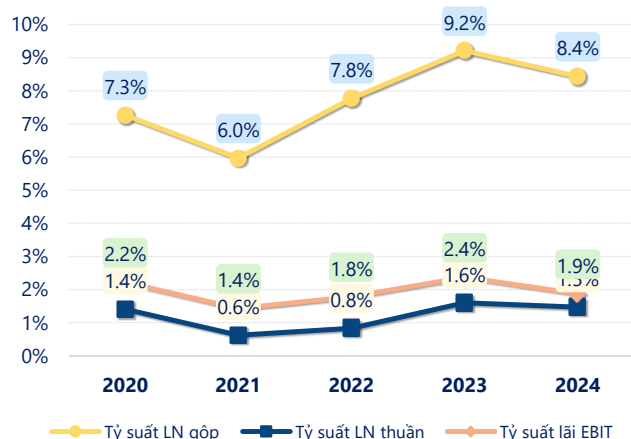
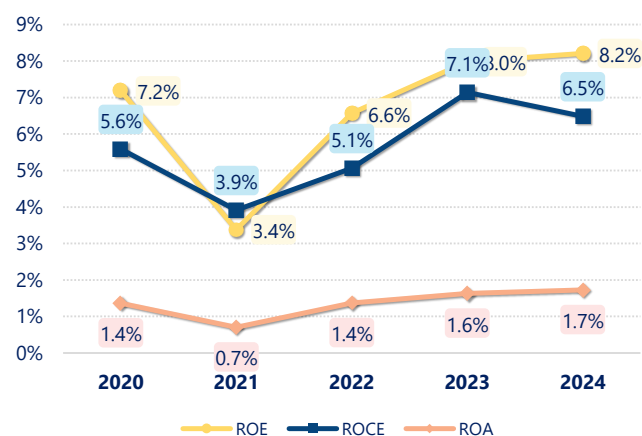
tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

Năm **2024**, **THU** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **4.07** tỷ đồng, **tăng lên 0.12** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (2.86 tỷ đồng) là 1.21 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1.26** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **19.16** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.56** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của THU năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **8.21%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận**Tỷ suất sinh lợi**

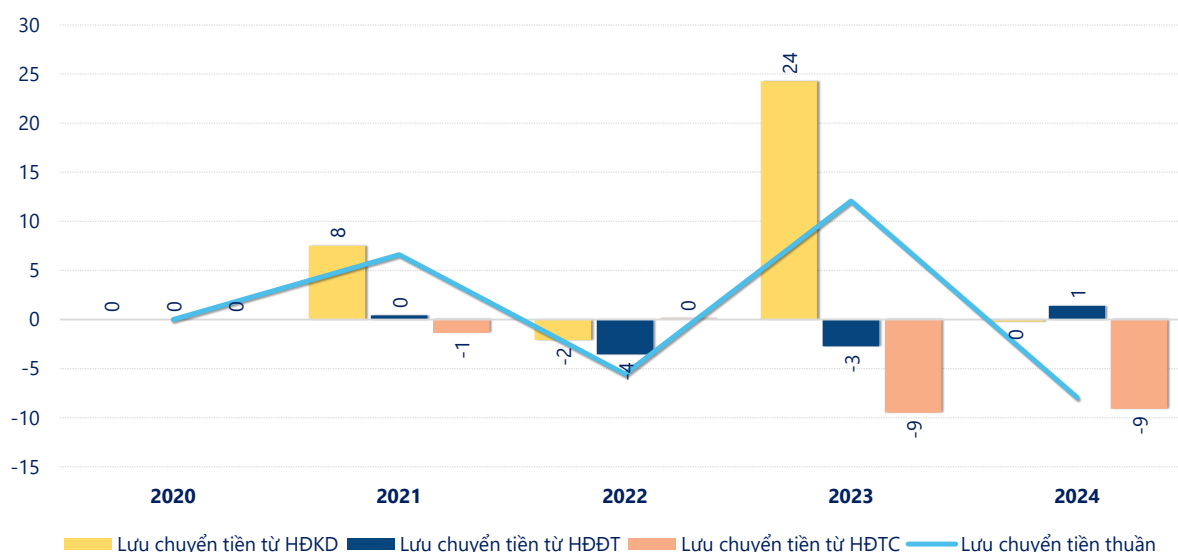
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	207	224	235	246	277
Giá vốn hàng bán	192	211	216	224	253
Lợi nhuận gộp	15.1	13.4	18.2	22.7	23.3
Doanh thu HĐTC	1.22	0.52	0.78	1.45	1.17
Chi phí TC	1.73	1.80	1.35	2.26	1.26
Chi phí lãi vay	1.73	1.80	1.35	2.26	1.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	11.6	10.7	15.7	17.9	19.2
LN thuần từ HĐKD	2.92	1.40	1.96	3.95	4.07
Lợi nhuận khác	-0.05	0.01	0.87	-0.37	-0.15
LN trước thuế	2.87	1.40	2.83	3.58	3.92
Lợi nhuận sau thuế	2.37	1.13	2.27	2.83	2.94
LNST của CĐ cty mẹ	2.37	1.13	2.27	2.83	2.94

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của THU bằng **-7.93** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (12.07 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-0.21** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **1.38** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-9.11** tỷ đồng.